

PHẦN I - TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1. Các loài động vật nguyên sinh sống kí sinh là

- A. trùng giày, trùng kiết lị
B. trùng biến hình, trùng sốt rét.
C. trùng sốt rét, trùng kiết lị
D. trùng roi xanh, trùng dày

Câu 2. Loài động vật nguyên sinh nào sau đây có khả năng vừa dị dưỡng vừa tự dưỡng?

- A. Trùng giày. B. Trùng biến hình C. Trùng sốt rét D. Trùng roi xanh.

Câu 3. Loài động vật nguyên sinh nào sau đây có hình thức sinh sản phân đôi và tiếp hợp?

- A. Trùng giày B. Trùng biến hình C. Trùng sốt rét. D. Trùng roi xanh.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây có ở trùng biến hình?

- A. Có roi B. Có chân giả C. Có lông bơi. D. Bộ phận di chuyển tiêu giảm.

Câu 5. Cơ thể sứa không có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Cơ thể đối xứng toả tròn. B. sống di chuyển thường xuyên.
C. Kiểu ruột hình túi. D. Sống thành tập đoàn.

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở sán lá gan và sán dây?

- A. Giác bám phát triển. B. Cơ thể dẹp và đối xứng 2 bên.
C. Mắt và lông bơi phát triển. D. Ruột phân nhánh chưa có hậu môn.

Câu 7. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở sán lông?

- A. Cơ thể dẹp đối xứng 2 bên. B. Có giác bám phát triển.
C. Mắt và lông bơi phát triển. D. Ruột phân nhánh chưa có hậu môn.

Câu 8. Nơi kí sinh của giun kim là

- A. ruột non. B. ruột già. C. ruột thẳng. D. tá tràng.

Câu 9. Nơi kí sinh của giun đũa là

- A. ruột non. B. ruột già. C. ruột thẳng. D. tá tràng.

Câu 10. Đặc điểm nào dưới đây **không** có ở thủy tức?

- A. Hình trụ. B. Miệng ở dưới. C. Đối xứng toả tròn. D. Di chuyển bằng tua miệng

Câu 11. Trong các loài cá sau đây, loài cá nào có đời sống ở nước ngọt, nhưng đến mùa sinh sản lại di cư ra biển, vượt một quãng đường rất xa ra đại dương để đẻ trứng?

- A. Cá rô B. Cá chép C. Cá tra D. Cá chình.

Câu 12. Trong số các loài cá sau đây, loài cá nào sống ở biển nhưng khi sinh sản lại bơi ngược vào sông, lên những thác nước đầu nguồn để đẻ trứng?

- A. Cá quả B. Cá ngừ C. Cá hồi D. Cá nục.

Câu 13. Trong các loài cá sau đây, loài nào có vảy trên thân?

- A. Cá tra. B. Cá basa. C. Cá trên. D. Cá trắm.

Câu 14. Cá tầm đã du nhập vào nước ta và được nuôi kinh tế, đem lại thu nhập không nhỏ cho người nuôi. Em hãy cho biết, cá tầm **không** có bộ phận cơ thể nào sau đây?

- A. Râu. B. Mang. C. Răng. D. Vây lưng.

Câu 15. Sơ đồ hệ tuần hoàn của cá chép là

A. Tâm thất -> Động mạch chủ bụng -> Các mao mạch mang -> Động mạch chủ lưng -> Các mao mạch cơ quan -> tĩnh mạch bụng -> tâm nhĩ.

B. Tâm nhĩ -> Động mạch chủ bụng -> Các mao mạch mang -> Động mạch chủ lưng -> Các mao mạch cơ quan -> tĩnh mạch bụng -> tâm thất.

C. Tâm thất -> Động mạch chủ lưng -> Các mao mạch mang -> Động mạch chủ bụng -> Các mao mạch cơ quan -> tĩnh mạch bụng -> tâm nhĩ.

D. Tâm nhĩ -> Động mạch chủ bụng -> Các mao mạch cơ quan -> Động mạch chủ lưng -> Các mao mạch mang -> tĩnh mạch bụng -> tâm nhĩ.

Câu 16. Những loài cá nào sau đây thuộc lớp cá sụn?

- A. Cá nhám, cá đuối B. cá vèn, cá chép C. cá trích, cá rô D. cá trắm, lươn.

Câu 17. Bộ phận nào của tôm giúp tôm lái và bơi giật lùi?

- A. Hai đôi râu B. Các chân hàm C. các chân bụng D. tấm lái.

Câu 18. Đặc điểm chung của lớp hình nhện là

- A. Cơ thể chia làm 3 phần, có 4 đôi chân bò, hoạt động ban ngày, săn bắt mồi sống.
B. Cơ thể chia làm 2 phần, có 4 đôi chân bò, hoạt động về đêm, săn bắt mồi sống.
C. Cơ thể chia làm 4 phần, có 3 đôi chân bò, hoạt động về đêm, săn bắt mồi sống.
D. Cơ thể chia làm 2 phần, có 2 đôi chân bò, hoạt động ban ngày, săn bắt mồi sống.

Câu 19. Các chân ngực của tôm có vai trò

- A. định hướng phát hiện mồi B. bắt mồi và bò.
C. giữ và xử lí mồi D. bơi, giữ thăng bằng và ôm trứng.

Câu 20. Khi nói về đa dạng của lớp giáp xác, nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Một ả có đôi râu dài, các đôi chân đều bò được, thở bằng mang, ở cạn.
B. Con sun bám vào vỏ tàu, thuyền làm giảm tốc độ di chuyển của tàu thuyền.
C. Chân kiếm sống kí sinh ở cá, phần phụ tiêu giảm, rau biến thành móc bám.
D. Cua đồng đực có phần bụng tiêu giảm, bò ngang, sống ở hang hốc.

Câu 21. Hình thức phát triển của một hại gỗ là

- A. phát triển không qua biến thái B. phát triển qua biến thái hoàn toàn.
C. phát triển qua biến thái không hoàn toàn D. phát triển không qua lột xác.

Câu 22. Đặc điểm nào của chân khớp giúp chúng đa dạng về tập tính?

- A. Thần kinh và giác quan phát triển B. Bộ xương ngoài bằng ki tin.
C. Các chân phân đốt khớp động D. Có sự lột xác để tăng trưởng.

Câu 23. Hệ tuần hoàn của sâu bọ **không** vận chuyển

- A. khí O₂ và CO₂ B. nước C. chất dinh dưỡng D. chất khoáng.

Câu 24. Tôm thường kiếm ăn vào thời điểm nào trong ngày?

- A. Buổi trưa B. Ban đêm C. Buổi chiều D. Chập tối.

Câu 25. Loài nào sau đây thường gây hại?

- A. con sun B. cua đồng C. rận nước D. cua nhện.

Câu 26. Hệ thần kinh của châu chấu có đặc điểm

- A. dạng chuỗi hạch. B. dạng lưới. C. dạng ống. D. hạch não kém phát triển

Câu 27. Hệ hô hấp của của châu chấu có đặc điểm

- A. gồm các ống khí phân nhánh, vận chuyển ôxi đến từng tế bào.
B. Gồm các ống khí phân nhánh, không tham gia vận chuyển ô xi.
C. Gồm các túi khí phân nhánh, không tham gia vận chuyển ô xi.
D. Gồm các túi khí phân nhánh, vận chuyển ô xi đến từng tế bào.

Câu 28. Những đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đời sống của cá chép?

- A. Cá chép ăn tạp, phân tính, thụ tinh ngoài, là động vật biến nhiệt,
B. Cá chép ăn tạp, sống ở nước ngọt, hệ tuần hoàn kín.
C. Cá chép ăn tạp, phân tính, thụ tinh ngoài, tim có 2 ngăn,
D. Cá chép ăn tạp, phân tính, thụ tinh trong, là động vật đẳng nhiệt.

PHẦN II - TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Nêu biện pháp chống sâu có hại nhưng an toàn cho môi trường.

Câu 2 (1,0 điểm): Đặc điểm nào của giun đũa đã giúp cho Giáo sư Tôn Thất Tùng phát minh ra “Phương pháp mổ gan khô”? Ở nước ta, qua điều tra thấy tỉ lệ mắc giun đũa cao? Tại sao.

Câu 3 (1,0 điểm): Hãy trình bày thí nghiệm để quan sát chứng minh vai trò xáo trộn đất làm cho đất tơi xốp của giun đất.

-----HẾT-----